TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2026/QĐST - DS,	*Ninh Bình, ngày 23 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 85/2025/TLST - DS ngày 01 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ Nguyên đơn:

- Ngân hàng TMCP V (V1);

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Duy T – Trưởng phòng xử lý nợ pháp lý tích hợp 1.

Đại diện theo ủy quyền của ông Cao Duy T: Ông Phạm Tất T1 - Chức vụ chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Số B đường Đ, phường N, tỉnh Ninh Bình.

- Công ty cổ phần M;

Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà V, số I D, phường C, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T2 - Chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Quốc T3 - Chức vụ: Phó giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Quốc T3: Ông Nguyễn Mạnh T4 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ

Địa chỉ: Số I Đ, phường H, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Ông Dương Tuấn A – Sinh năm 1982

Bà Bùi Thị L – Sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã V, tỉnh Ninh Bình

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về số tiền còn nợ và trách nhiệm thanh toán: Ông Dương Tuấn A, bà Bùi Thị L và Ngân hàng V1, Công ty cổ phần M thống nhất ông A và bà L còn nợ và có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng V1, Công ty cổ phần M theo các Hợp đồng cho vay được ký kết giữa Ngân hàng V1 với ông Dương Tuấn A, bà Bùi Thị L, tính đến hết ngày 07/01/2026 tổng số tiền nợ là 543.830.689đồng (trong đó nợ gốc: 447.672.004 đồng, nợ lãi 95.681.304 đồng, lãi chậm trả: 477.381 đồng). Cụ thể như sau:

+ Đối với Ngân hàng V1:

Số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay LN2111264780439 ký ngày 30/11/2021 là: nợ gốc là 20.000.000 đồng; nợ lãi là 3.793.683 đồng; nợ lãi chậm trả là 20.316 đồng. Tổng là 23.813.999 đồng;

Số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay LD2214400155 ký ngày 24/5/2022 là: nợ gốc là 867.322 đồng; nợ lãi là 413.302đồng; nợ lãi chậm trả là 1.498 đồng. Tổng là 1.282.122 đồng.

Số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay LD2122901810 ngày 17/8/2021 là: nợ gốc là 1.516.278 đồng; nợ lãi là 577.080 đồng; nợ lãi chậm trả là 2.055 đồng. Tổng là 2.095.413 đồng.

Tổng số tiền là 27.191.534 đồng

+ Đối với Công ty cổ phần M:

Số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay LN2111264780439 ký ngày 30/11/2021 là: nợ gốc là 380.000.000 đồng; nợ lãi là 72.079.968 đồng; nợ lãi chậm trả là 386.005 đồng. Tổng là 452.465.973 đồng;

Số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay LD2214400155 ký ngày 24/5/2022 là: nợ gốc là 16.479.116đồng; nợ lãi là 7.852.746 đồng; nợ lãi chậm trả là 28.471 đồng. Tổng là 24.360.333 đồng.

Số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay LD2122901810 ngày 17/8/2021 là: nợ gốc là 28.809.288đồng; nợ lãi là 10.964.525 đồng; nợ lãi chậm trả là 39.036 đồng. Tổng là 39.812.849 đồng.

Tổng số tiền là 516.639.155 đồng

2.2 Về lãi suất: Ông Dương Tuấn A, bà Bùi Thị Liên tiếp T5 trả lãi theo Hợp đồng cho vay số LN2111264780439 ký ngày 30/11/2021; Hợp đồng cho vay số LN2214400155 ký ngày 24/5/2022; Hợp đồng cho vay số LN2122901810 ngày 17/8/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản vay.

Trường hợp ông Dương Tuấn A, bà Bùi Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên, Công ty Cổ phần M và Ngân hàng V1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ đã vay.

2.3 Tài sản thế chấp là: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 6 tờ bản đồ số 15 lập năm 2007 chỉnh lý năm 2020, địa chỉ: thôn Đ, xã Y, Huyện Ý, tỉnh Nam Định, nay là thôn T xã V tỉnh Ninh Bình; thông tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CU 307145, Số vào sổ cấp GCN: CS00088 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp ngày 12/10/2020 mang tên chủ sử dụng Dương Tuấn A. Hợp đồng thế chấp số 3047856 ngày 25/11/2020 tại văn phòng C.

Sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ để thanh toán nợ cho Công ty Cổ phần M và Ngân hàng V1, ông A bà L có nghĩa vụ tiếp tục phải trả nợ phần còn thiếu cho Công ty M và Ngân hàng V1.

2.4 Về án phí, lệ phí:

Ông Dương Tuấn A, bà Bùi Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 12.876.000 (mười hai triệu tám trăm bẩy mươi sáu nghìn) đồng.

H lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Công ty Cổ phần M số tiền 12.000.000 đồng, cho Ngân hàng V1 số tiền 700.000 đồng theo biên lai số 0003251 ngày 28/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Về chi phí xem xét thẩm định tài sản thế chấp Nguyên đơn đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 8 – Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Vạn Thắng;
- Đương sự;
- Hồ sơ ;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Hồng Nhung